

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HC-ST

Ngày 27-6-2018

*V/v Khiếu kiện QĐ hành
chính; QĐ giải quyết khiếu
nại trong lĩnh vực quản lý
nhà nước về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Hội thẩm:
1. Bà Đinh Thị Minh
2. Ông Lương Sĩ Tư Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư; Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 6 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-HC ngày 01-9-2017, về “*Khiếu kiện QĐ hành chính; Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HC ngày 31-5-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HC ngày 13-6-2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trương Thị H, sinh 1976.

Địa chỉ: 05 KS, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc Â, sinh 1960.

Địa chỉ: 56/1 HT, phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, “*Văn bản ủy quyền lập ngày 15-8-2017*”; Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: 02 TNT, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện S, Chức vụ Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T, Chức vụ Phó Chủ tịch, “*Văn bản ủy quyền số 6724/UBND ngày 15-9-2017*”. Vắng mặt

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T, Chức vụ Phó Chủ tịch, “*Văn bản ủy quyền số 6724/UBND ngày 15-9-2017*”. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh 1949; Địa chỉ 05 KS, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: Số 36 TP, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T, Chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H, Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, “*Văn bản ủy quyền ngày 06-4-2018*” Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông Á) trình bày:* Ngày 19-7-1999 ông Phạm Đình T (Chồng bà Nguyễn Thị L) lập văn bản chuyển quyền sử dụng đất diện tích đất 84m² thuộc một phần thửa 65 bản đồ 8 (D94-II), phường 10 (số 05 Khe Sanh) cho vợ chồng ông H, bà H (trước năm 2006, ông H, bà H vợ chồng); việc chuyển nhượng được UB phường 10 chứng thực, đất chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất (sau đây viết tắt sổ đỏ) số hiệu M 459121 ngày 01-9-1998 với diện tích 1.216m² thửa 65 bản đồ 8 (D94-II), phường 10 đứng tên ông T.

Ngày 02-8-1999, bà H đã nộp hồ sơ tại Phòng Địa chính Đ (thời điểm này nộp hồ sơ chuyển nhượng tại Phòng Địa chính) xin chuyển QSD đất và chuyển mục đích sử dụng đất, theo giấy biên nhận hồ sơ số 24/BNĐC ngày 02-8-1999, đã đầy đủ gồm Đơn xin chuyển QSD đất; Đơn chuyển mục đích sử dụng đất, sổ đỏ (bản chính) số hiệu M459121 ngày 01-9-1998 tên ông T.

Do Phòng Địa chính đã làm mất toàn bộ hồ sơ nêu trên, sau gần 05 năm khiếu nại, đến ngày 08-3-2004, UB thành phố Đt cấp lại sổ đỏ số hiệu X260896 cho ông T với diện tích, số thửa, bản đồ nêu trên, nhưng không trừ diện tích 84m² ông T đã chuyển nhượng, không tách diện tích đất đã chuyển nhượng, không cấp sổ theo giấy biên nhận hồ sơ 24/BNĐC nêu trên.

Năm 2006, vợ chồng bà H, ông H ly hôn; tại bản án sơ thẩm số 71/2006/HNGĐ-ST ngày 22-9-2006 của TA thành phố Đ; bà H được sở hữu căn nhà và được QSD diện tích 84m² đã nhận chuyển nhượng của ông T. Ngoài ra, tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 25-8-2011 của Chủ tịch UBND phường 10 “*công nhận nhà tình thương hộ bà H ngụ tại phường 10, thành phố Đ*” nguồn gốc đất đã nhận chuyển nhượng.

Năm 2014, bà L khởi kiện “*Tranh chấp về QSD đất*” với bà H; Tại bản án sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 29-01-2015 của TA thành phố Đ, bà L không khởi kiện về HĐ chuyển nhượng đất, chỉ khởi kiện bà H sử dụng đất dư, bản án nhận định “*ngày 19-7-1999, ông T đã chuyển nhượng cho bà H diện tích 84m² thuộc một phần thửa 65 bản đồ 8 (D94-II), phường 10; được UBND phường 10 chứng thực, sau khi đo đạc lại, diện tích đất bà H đang quản lý, sử dụng thửa 21,19m² so với giấy chuyển nhượng*”; nên bản án công nhận bà H được QSD đất, buộc bà H thanh toán giá trị QSD đất 2.890.000đ. Do bà L kháng cáo, tại Bản án phúc thẩm số 55/2015/DS-PT ngày 17-6-2015 của TA tỉnh Lâm Đồng bác kháng cáo của bà L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm nêu trên.

Sau khi tự nguyện thi hành bản án về thanh toán trả số tiền cho bà L theo bản án, ngày 30-11-2015, bà H làm đơn đăng ký xin cấp sổ đỏ; sau khi thực hiện đầy đủ thủ tục thông báo niêm yết công khai; kết thúc niêm yết số 854/KTCK-UBND ngày 30-11-2015 được UB phường 10 xác nhận không có tranh chấp, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính số tiền 72.209.000đ.

Tại Văn bản số 5002/UBND ngày 11-8-2016, UB thành phố Đ đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ (sau đây viết tắt Chi nhánh VPĐK Đ) thông báo cho bà L nộp sổ đỏ số hiệu X260896 cấp ngày 08-3-2004 để điều chỉnh; hướng dẫn bà H lập thủ tục cấp sổ đỏ sau khi điều chỉnh, nên tại Thông báo số 1041/TB-VPĐK ngày 23-8-2016 Chi nhánh VPĐK Đ yêu cầu bà L nộp lại sổ đỏ để điều chỉnh nhưng bà L không hợp tác. Tuy nhiên, tại văn bản số 1622/VPĐKĐĐ ngày 01-11-2016 Chi nhánh VPĐK Đ cho rằng “*không có sổ đỏ của bên chuyển QSD đất, không có hợp đồng giấy tờ chuyển QSD đất nên không đủ cơ sở để giải quyết hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP*”. Do vậy, tại văn bản số 6942/UBND ngày 21-11-2016, UB thành phố Đ trả lời đơn kiến nghị của bà H. Không đồng ý, bà H khiếu nại và được tiếp tục trả lời Văn bản số 7484/UBND ngày 10-11-2016 (sau đây viết tắt văn bản số 7484/UBND) cho rằng bà L không cung cấp sổ đỏ đất để làm cơ sở cấp sổ đỏ, thuộc diện đất đang tranh chấp, hướng dẫn bà H khởi kiện tại TAND theo thủ tục chung. Không đồng ý bà H tiếp tục khiếu nại; tại Quyết định 505/QĐ-UBND ngày 20-02-2017 (sau đây viết tắt QĐ số 505/QĐ-UBND), Chủ tịch UBND thành phố Đ không chấp khiếu nại của bà H.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét hủy văn bản số 7484/UBND; QĐ số 505/QĐ-UBND; hủy sổ đỏ đất số hiệu X260896 do UB thành phố Đ cấp cho ông T ngày 08-3-2004, đã đăng ký biến động sang tên cho bà L ngày 06-3-2015; Buộc UB thành phố Đ cấp sổ đỏ đất cho bà trên diện tích đất 84m² và diện tích 21.19m² thuộc thửa 65 TBĐ 8 tại phường 10, thành phố Đ.

* Theo ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UB thành phố Đ; Chủ tịch UB thành phố Đ trình bày: Bà H nộp hồ sơ đề nghị cấp sổ đỏ diện tích đất thuộc một phần thửa 65 bản đồ 8 (D94-II) phường 10 thành phố Đ; theo bản xác định ranh giới, mốc giới và kích thước thửa đất ngày 13-10-2015 có xác nhận của UBND phường 10; Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai thành phố Đ thiết lập ngày 13-10-2015. Sau khi xem xét hồ sơ không đủ căn cứ để cấp sổ bởi lẽ:

Nguồn gốc đất bà H nhận chuyển nhượng của ông T ngày 19-7-1999, được UB phường 10 xác nhận, trong khi ông T được cấp sổ đỏ số hiệu số M459121 ngày 01-9-1998

Do sổ đỏ ông T bị thất lạc, UB thành phố Đ ban hành Quyết định số 299/QĐ-UB ngày 08-3-2004, về việc thu hồi và huỷ bỏ sổ đỏ số hiệu M459121 do bị thất lạc; cấp lại sổ đỏ số hiệu X260896 ngày 08-3-2004 đối với thửa 65 bản đồ 08 (D94-II), phường 10; trong đó có diện tích ông T đã chuyển nhượng cho ông H, bà H.

Theo bản án sơ thẩm số 71/2006/HNGĐ-ST ngày 22-9-2006 của TAND thành phố Đ; về ly hôn giữa bà H, ông H; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 25-8-2011 của Chủ tịch UBND phường 10 “*công nhận nhà tình thương hộ bà H ngụ tại phường 10, thành phố Đ*”; Bản án phúc thẩm số 55/2015/DS-PT ngày 17-6-2015 của TAND tỉnh L (*phúc thẩm bản án sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 29-01-2015 của TAND thành phố Đ bị kháng cáo*) vẫn không đủ căn cứ thu hồi sổ đỏ số hiệu X260896 ngày 08-3-2004.

Sổ đỏ số hiệu X260896 ngày 08-3-2004 đứng tên ông T, sau đó được đăng ký biến động thừa kế đứng tên bà L ngày 06-3-2015; trong khi đó việc chuyển nhượng giữa ông T, bà H không tuân theo quy định, hiện ông T đã chết.

Tuy đã thông báo cho bà L nộp sổ đỏ số hiệu X260896 ngày 08-3-2004 nhưng bà L không hợp tác; tại văn bản số 1622/VPĐKĐĐ ngày 01-11-2016, Chi nhánh VPĐK Đ xác định hồ sơ không có sổ của bên chuyển nhượng, không có hợp đồng, giấy tờ về chuyển QSD đất theo quy định; không đủ cơ sở để áp dụng Khoản 2 Điều 82, Nghị định 43/2014/NĐ-CP để cấp sổ đỏ cho bà H. Do vậy, tại văn bản số 7484/UBND ngày 10-11-2016 cho rằng bà L không cung cấp sổ đỏ đất để làm cơ sở cấp sổ đỏ, thuộc diện đất đang tranh chấp, hướng dẫn bà H khởi kiện tại TA theo thủ tục chung. Không đồng ý bà H tiếp tục khiếu nại; tại Quyết định 505/QĐ-UBND ngày 20-02-2017, Chủ tịch UBND thành phố Đ không chấp thuận khiếu nại của bà H là đúng quy định pháp luật; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

** Đối với đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng (sau đây viết tắt VPĐKĐĐ tỉnh Lâm Đồng):* Về thủ tục đăng ký biến động từ tên ông T sang cho bà L theo hồ sơ phân chia thừa kế là đúng pháp luật; liên quan đến nội dung bà H đề nghị cấp sổ đỏ thì không trình bày; vụ việc bà H khởi kiện, VPĐKĐĐ tỉnh Lâm Đồng thực hiện theo Quyết định của Tòa án.

** Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L:* Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần cố tình vắng mặt, nên Tòa án không lấy lời khai được.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà H có mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông A) giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Văn bản số 7484/UBND; QĐ số 505/QĐ-UBND; hủy sổ đỏ số hiệu X260986 do UB thành phố Đ cấp cho ông T ngày 08-3-2004, đã đăng ký biến động sang tên cho bà L ngày 06-3-2015; Buộc UB thành phố Đ cấp sổ đỏ đất cho bà trên diện tích đất 84m²; diện tích 21.19m² theo bản án 55/2015/DS-PT thuộc thửa 65 TBD 8 tại phường 10, thành phố Đ.

Đối với người bị kiện đại diện UB thành phố Đ; Chủ tịch UB thành phố Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người liên quan VPĐKĐĐ tỉnh Lâm Đồng, bà L vắng mặt;

Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; bác đơn khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, đại diện người bị kiện UB thành phố Đ; Chủ tịch UB thành phố Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người liên quan VPĐK tỉnh Lâm Đồng, bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng; căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính đề tiên hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện*: Bà H khởi kiện cho rằng năm 1999 ông T (*chồng bà L, hiện ông T đã chết*) đã chuyển nhượng QSD đất cho bà H, ông H (*trước năm 2006 bà H, ông H là vợ chồng*) diện tích 84m² thuộc một phần thửa 65 bản đồ 8 (D94-II), phường 10 (*số 05 Khe Sanh*); việc chuyển nhượng được UB phường 10 chứng thực, đất chuyển nhượng đã được cấp sổ đỏ số hiệu M 459121 ngày 01-9-1998. Sau khi chuyển nhượng, bà H đã lập thủ tục chuyển nhượng; nộp hồ sơ chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất tại Phòng Địa chính Đ, theo giấy biên nhận hồ sơ số 24/BNĐC ngày 02-8-1999. Tuy nhiên, do Phòng Địa chính Đ làm mất hồ sơ, nên sau nhiều năm khiếu nại, đến khi được hướng dẫn, đã thực hiện đầy đủ thủ tục thông báo niêm yết công khai; kết thúc niêm yết số 854/KTCK-UBND ngày 30-11-2015 được UB phường 10 xác nhận không có tranh chấp, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính số tiền 72.209.000đ; trong khi đó tại Văn bản số 7484/UBND ngày 10-11-2016, UB thành phố Đ trả lời không được cấp sổ đỏ cho rằng là “*quan hệ tranh chấp dân sự khởi kiện tại Tòa án*”. Không đồng ý bà H tiếp tục khiếu nại; tại QĐ số 505/QĐ-UBND, Chủ tịch UB thành phố Đ không chấp khiếu nại. Do vậy, bà H yêu cầu hủy QĐ số 505/QĐ-UBND; hủy Văn bản số 7484/UBND ngày 21-11-2016; hủy sổ đỏ số hiệu X260896 của UB Đ cấp cho ông T ngày 08-3-2004, đã đăng ký biến động sang tên cho bà L (*vợ ông T*) ngày 06-3-2015. Về phía UB thành phố Đ cho rằng diện tích đất tranh chấp nên bà H thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Do vậy, căn cứ các Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính; xác định đối tượng khởi kiện “*khởi kiện QĐ hành chính (hủy sổ đỏ)*”; Quyết định hành

chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai ” trong thời hiệu khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Ngày 19-7-1999, ông T đã chuyển nhượng cho bà H diện tích 84m² thuộc một phần thửa 65 bản đồ 8 (D94-II), phường 10 (số 05 Khe Sanh). Tại thời điểm này, việc các bên chuyển nhượng đúng thủ tục, đủ điều kiện theo quy định pháp luật về đất đai, các bên đã thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, lỗi của Cơ quan có thẩm quyền làm mất hồ sơ chuyển nhượng (bút lục 66), nên đáng lẽ trách nhiệm của UB thành phố Đ phải khắc phục hồ sơ đã mất, hoàn tất thủ tục chuyển nhượng mới đúng; trong khi đó UB thành phố Đ chỉ khắc phục cấp sổ đỏ mới cho ông T, nhưng lại không thực hiện tục chuyển nhượng giữa ông T đã sang nhượng cho bà H.

Sau nhiều năm khiếu nại và sau khi Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà H, ông H cũng xác định diện tích đất nêu trên ông T đã chuyển nhượng và bà H được chia tài sản chung (bút lục 18); Tòa án giải quyết “*tranh chấp về QSD đất*” giữa bà Lý (vợ chồng T) và bà H (bút lục 15) cũng xác định diện tích đất nêu trên “*đã chuyển nhượng, không tranh chấp*”, các bên chỉ tranh chấp phần diện tích ranh giới. Mặt khác, sau khi thực hiện đầy đủ tục thủ như thông báo niêm yết công khai và kết thúc niêm yết số 854/KTCK-UBND ngày 30-11-2015 được UB phường 10 xác nhận không có tranh chấp, đồng thời bà H thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp số tiền 72.209.000đ vào ngân sách nhà nước; trong khi đó người bị kiện vẫn cho rằng “*đất tranh chấp*” phải thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án là không đúng.

Đối với sổ đỏ số hiệu X260896 do UB Đà Lạt cấp cho ông T ngày 08-3-2004, đã đăng ký biến động thừa kế sang tên cho bà L ngày 06-3-2015, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ liên quan đến thẩm quyền hủy sổ đỏ số hiệu X260896 đã đăng ký biến động thừa kế sang tên cho bà L thì UB thành phố Đ không thể thực hiện được.

Từ phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20-02-2017 của Chủ tịch UB thành phố Đ; hủy Văn bản số 7484/UBND ngày 10-11-2016, UB thành phố Đ; Hủy sổ đỏ số hiệu X260896 đã đăng ký biến động thừa kế sang tên cho bà L ngày 06-3-2015

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H, bà L liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp sổ đỏ đúng hiện trạng sử dụng đất đang quản lý sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; các Điều 164, 191; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử

1. Chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện bà Trương Thị H, về “*khieux kiện QĐ hành chính (hủy sổ đỏ); Quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”

- Hủy Văn bản số 7484/UBND ngày 10-11-2016 của UB thành phố Đ; Hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20-02-2017 của Chủ tịch UB thành phố Đ;

- Hủy sổ đỏ số hiệu X260896 do UB thành phố Đ cấp cho ông T ngày 08-3-2004, đã được đăng ký biến động sang tên cho bà L ngày 06-3-2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H, bà L liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp sổ đỏ đúng hiện trạng sử dụng đất đang quản lý sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Buộc Chủ tịch UB thành phố Đ phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà H số tiền 300.000 nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số 0002880 ngày 30-8-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị kiện, người liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng